

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày 13 – 4 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Trí.

Bà Phan Hoàng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 55/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Tuyết N, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 12D3, khu dân cư Hòa Thạnh, khóm Hòa Thạnh, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc Q, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 8D3, khu dân cư Hòa Thạnh, khóm Hòa Thạnh, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/3/2022 nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết N trình bày:

Bà và ông Phạm Ngọc Q ở chung khu dân cư, nhà cách 02 căn nên quen biết nhau, do ông Q xây dựng nhà thiếu tiền nên có hỏi vay tiền của bà

10.000.000 đồng vào ngày 12/10/2020, vay không xác định thời hạn, nhưng khi muốn đòi tiền lại thì báo trước 10 ngày, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 2%/tháng, khi vay có viết biên nhận.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Q có đóng lãi được 02 tháng là 400.000 đồng (tháng 10 và tháng 11/2020) thì ngưng cho đến nay không đóng lãi nữa. Bà đã thông báo cho ông Q trả nợ lại cho bà nhưng ông Q không thực hiện.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết:

- Buộc ông Phạm Ngọc Q phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng.

- Buộc ông Phạm Ngọc Q phải trả lãi từ ngày 12/12/2020 đến ngày giải quyết xong vụ án, với mức lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính 06 tháng là 996.000 đồng. Và yêu cầu ông Q phải tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày trả xong nợ.

Bị đơn ông Phạm Ngọc Q vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu ông Q phải trả vốn 10.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 12/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/4/2022 là 01 năm 04 tháng, với mức lãi suất 1,66%/tháng, yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả nợ xong theo mức lãi suất 20%/năm. Đồng ý khấu trừ số tiền lãi vượt quá đã nhận vào vốn.

Bị đơn ông Phạm Ngọc Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Phạm Ngọc Q Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do, coi như ông Q đã từ bỏ quyền của mình. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Biên nhận nợ ngày 12/10/2020 có ghi số tiền vay, không ghi lãi suất, không ghi thời hạn vay. Nhưng theo lời khai của nguyên đơn là hợp đồng vay có lãi 2%/tháng, bị đơn đã đóng lãi được 02 tháng với số tiền 400.000 đồng. Tòa án có tiến hành công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thông báo kết quả công khai chứng cứ nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hoặc phản tố lại đối với yêu cầu và chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, có đủ

cơ sở xác định giữa bà N và ông Q có xác lập hợp đồng vay có lãi và vay không kỳ hạn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ vốn và lãi là có căn cứ phù hợp quy định nên đề nghị chấp nhận. Tuy nhiên, theo nguyên đơn trình bày thì bị đơn đã đóng lãi được 02 tháng với số tiền 400.000 đồng (lãi suất 2%/tháng, tương đương là 24%/năm), mức lãi suất mà các bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên đề nghị khấu trừ số tiền lãi vượt quá đã nhận vào vốn gốc theo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Biên nhận nợ ngày 12-10-2020; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của ông Q ngày 18/02/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết N có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Phạm Ngọc Q, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác đúng quy định pháp luật nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: bà Trương Thị Tuyết N cho ông Phạm Ngọc Q vay số tiền 10.000.000 đồng. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Biên nhận nợ ngày 12-10-2020.

[2.1] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Q có nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cùng chứng cứ kèm theo là Biên nhận nợ ngày 12-10-2020, nhưng ông Q không khiếu nại, cũng không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, có căn cứ để xác

định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp Biên nhận nợ ngày 12-10-2020 là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định: tại Biên nhận nợ ngày 12-10-2020 thể hiện có chữ ký, chữ viết của ông Q. Theo đó, ông Q có vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng, không ghi lãi suất, không ghi thời hạn vay, nhưng bà N thừa nhận lãi suất cho vay là 2%/tháng và đã đóng lãi được 02 tháng với số tiền 400.000 đồng, cho thấy đây là hợp đồng vay có lãi, vay không thời hạn.

Xét, giao dịch giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh, quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn, lãi là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo quy định pháp luật trường hợp các bên thực hiện hợp đồng vay mà không có thời hạn thì bên vay có quyền đòi nợ bất cứ lúc nào nhưng phải thông báo cho bên vay trước 01 tháng. Trong vụ án này nguyên đơn đã nhiều lần đòi nợ bị đơn nhưng bị đơn hẹn lần hẹn lựa không trả nợ cho nguyên đơn, nên nguyên đơn khởi kiện đòi nợ là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn trình bày thì bị đơn đã đóng lãi được 02 tháng theo lãi suất 2%/tháng với số tiền 400.000 đồng, tức là 24%/năm, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị điều chỉnh lãi suất và khấu trừ số tiền lãi vượt quá đã nhận vào vốn gốc là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 12/10/2020 đến ngày 12/12/2020 là 02 tháng:

$10.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 20\%/\text{năm} = 333.333 \text{ đồng}.$

Nhưng ông Q đã đóng 400.000 đồng, số tiền lãi đóng vượt:

$400.000 \text{ đồng} - 333.333 \text{ đồng} = 66.667 \text{ đồng}.$

Số tiền lãi đóng vượt là 66.667 đồng được khấu trừ vào vốn:

$10.000.000 \text{ đồng} - 66.667 \text{ đồng} = 9.933.333 \text{ đồng}.$

Vậy sau khi khấu trừ số tiền lãi đóng vượt vào vốn thì ông Q còn nợ bà N số tiền vốn 9.933.333 đồng.

- Từ ngày 13/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/4/2022 là 01 năm 04 tháng:

$9.933.333 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng} = 2.152.222 \text{ đồng}.$

* Tổng cộng vốn, lãi là 9.933.333 đồng + 2.152.222 đồng = 12.085.555 đồng.

Buộc ông Q phải trả cho bà N số tiền vốn, lãi tính đến ngày 13/4/2022 là 12.085.555 đồng.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định trên số tiền bị buộc trả (12.085.555 đồng) là 604.000 đồng.

Với yêu cầu được chấp nhận bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết N: Buộc ông Phạm Ngọc Q có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Tuyết N số tiền vốn, lãi tổng cộng là 12.085.555 đồng (Mười hai triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 14/4/2022 cho đến khi thi hành án xong thì tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi cho bên được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Phạm Ngọc Q phải chịu 604.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị Tuyết N được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000683 ngày 18/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Trí Phan Hoàng Mai

Lê Thị Hồng Thi

